

Bản án số: 63/2019/HS-ST
Ngày 28 - 11 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Kim Mỹ.

Ông Vũ Đức Bính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2019/TLST- HS ngày 14 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn Năm; sinh năm 1997 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 13, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T1 và bà Vũ Thị T2; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Quang T; sinh năm 1993 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 7, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M và bà Trần Thị N; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Lê Quang K; sinh năm 1991 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Trần Thị S; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Mai Văn T4; sinh năm 1997 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 1, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ

văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn L (đã chết) và bà Bùi Thị M; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. **Đỗ Như Đ**; sinh năm 1996 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T5 và bà Đỗ Thị S1; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. **Đỗ Văn D**; sinh năm 1989 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T5 và bà Đỗ Thị S1; bị cáo có vợ là Đỗ Thị D1 và có hai con đều sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. **Trần Tiến T6**; sinh năm 1996 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T7 và bà Phan Thị H; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. **Trần Trường A**; sinh năm 1996 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức T8 và bà Đỗ Thị V; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. **Trịnh Quang N2**; sinh năm 1996 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 12, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quang H1 và bà Lê Thị T9; bị cáo có vợ là Lê Thị N3, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ **Chị Vũ Thị T2**; sinh năm 1976; trú tại: Xóm 13, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 31/8/2019 Phạm Quang T, Trịnh Quang N2, Mai Văn T4, Đỗ Như Đ và Đỗ Văn D rủ nhau đi chơi. Khi đi đến khu vực xã H, huyện K cả

nhóm vào nhà Vũ Văn N ở xóm 13, xã H, huyện K chơi, uống nước. Lúc này tại nhà N có Lê Quang K cũng đang ngồi uống nước. Cả nhóm ngồi uống nước, nói chuyện với nhau một lúc thì N2 mượn xe của T để đi về. Những người còn lại nói về chuyện đánh bạc thì N xuống bếp lấy 01 kéo, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ mang ra bàn uống nước. K dùng kéo cắt vỏ bao thuốc lá “Thăng Long” có trên bàn uống nước thành 04 quân vị hình tròn, đường kính mỗi quân 02 cm. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày N, T, T4, K, Đ vào trong gian buồng nhà N ngồi trên chiếu cói đã chải sẵn dưới đất để đánh bạc bằng hình thức chơi “Xóc đĩa” với mức đặt cửa tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa không giới hạn. N xóc cái cho những khác đánh bạc. D sau khi đi vệ sinh thì vào gian buồng ngồi đánh bạc cùng cả nhóm. Lát sau, Trần Tiến T6 dùng số 0357.525.123 lắp trong điện thoại di động Iphone 6S Plus màu vàng gọi điện đến cho Mai Văn T4 qua số sim 0965357127 lắp ở điện thoại Iphone 6S màu hồng hỏi có chỗ nào đánh bạc không thì T4 nói là đang đánh xóc đĩa trên H. Khoảng 15 phút sau, T4 ra khu vực ngã ba Quy Hậu đón T6 và Trần Trường A vào trong nhà N để đánh bạc. Sau đó N2 mang xe đến trả cho T thấy mọi người đang đánh bạc nên cũng xin vào chơi cùng. Lúc này N chuyển cho T xóc đĩa và ngồi ra ngoài xem. Cả nhóm tiếp tục chơi được khoảng vài phút thì T nói “*Anh em bỏ ra 50.000 đồng đưa cho chủ nhà*”. Sau đó T, K, A, Đ, T4 mỗi người bỏ ra chiếu 50.000 đồng đưa cho T rồi T đưa 250.000 đồng cho N. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện K phối hợp với Công an xã H phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc tổng số tiền 5.380.000đ; thu giữ trên người các đối tượng tổng số tiền 11.960.000 đồng (gồm: của T là 5.800.000 đồng, của Đ là 6.000.000 đồng, của T6 là 90.000 đồng và của N2 là 70.000 đồng); đồng thời thu giữ 01 chiếc chiếu cói, 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 01 kéo kim loại, 04 quân vị bằng vỏ bao thuốc lá, 09 điện thoại di động và 03 xe mô tô các loại.

Qua điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 11.180.000 đồng. Trong đó của T là 2.300.000 đồng, của K là 350.000 đồng, của T4 là 800.000 đồng, của Đ là 2.650.000 đồng, của D là 2.000.000 đồng, của T6 là 1.200.000 đồng, của A là 1.600.000 đồng và của N2 là 280.000 đồng. Số tiền 5.800.000 đồng thu giữ trên người T là tiền T thắng bạc cất vào trong người trước khi bị Cơ quan công an phát hiện. Đối với số tiền 6.000.000 đồng thu giữ trên người của Đ, 90.000 đồng thu giữ trên người của T6 và 70.000 đồng thu giữ trên người của N2 không dùng để đánh bạc.

Quá trình điều tra, Vũ Văn N, Phạm Quang T, Lê Quang K, Mai Văn T4, Đỗ Như Đ, Đỗ Văn D, Trần Tiến T6, Trần Trường A và Trịnh Quang N2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 13/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Vũ Văn N, Phạm Quang T, Lê Quang K, Mai Văn T4, Đỗ Như Đ, Đỗ Văn D, Trần Tiến T6, Trần Trường A, Trịnh Quang N2 về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn N, Phạm Quang T, Lê Quang K, Mai Văn T4, Đỗ Như Đ, Đỗ Văn D, Trần Tiến T6, Trần Trường A, Trịnh Quang N2 phạm tội đánh bạc.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn N từ 35 triệu đồng đến 40 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Quang T từ 35 triệu đồng đến 40 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Quang K từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Mai Văn T4 từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Đỗ Như Đ từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Tiến T6 từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Trường A từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn N2 từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị khai nhận các bị cáo có hành vi đánh bạc với hình thức đánh liêng được thua bằng tiền với số tiền là 11.180.000 đồng đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút ngày 31/8/2019 tại nơi ở của Vũ Văn N

ở xóm 13, xã H, huyện K, Vũ Văn N, Phạm Quang T, Lê Quang K, Mai Văn T4, Đỗ Như Đ, Đỗ Văn D, Trần Tiến T6, Trần Trường A và Trịnh Quang N4 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “xóc đĩa” được thua bằng tiền với tổng số tiền huy động vào việc đánh bạc là 11.180.000 đồng. Vũ Văn N có hành vi dùng nơi ở của mình, chuẩn bị bát, đĩa, kéo, tham gia “xóc cái” để phục vụ cho những người khác đánh bạc và hưởng lợi số tiền 250.000 đồng là đồng phạm về tội Đánh bạc.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo N, T, K, T4, T6, N2, Đ, A, D là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ việc đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đây là vụ án đánh bạc có nhiều bị cáo tham gia nhưng là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước. Do đó cần có sự đánh giá, phân tích vị trí, vai trò của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt sao cho tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo N, T, K, T4, T6, N2, Đ, A, D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về các hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân và vị trí, vai trò của các bị cáo:

- Bị cáo N là chủ nhà đã dùng nhà mình cho các bị cáo khác sử dụng để đánh bạc và thu lời bất chính, mặc dù không tham gia vào việc sát phạt nhau nhưng bị cáo là người tham gia tích cực như chuẩn bị bài, lấy kéo, vỏ bao thuốc lá cho bị cáo K cất quân vị. Những ván đầu bị cáo là người trực tiếp cầm cái đồng thời thu lời bất chính số tiền 250.000đ. Đối với bị cáo T là người sử dụng số tiền nhiều nhất vào việc đánh bạc bị cáo có 2.300.000đ sử dụng việc đánh bạc và cũng là người tham gia tích cực nhất, bị cáo tham gia ngay từ đầu và khi bị cáo N không cầm cái thì bị cáo T là người trực tiếp cầm cái tiếp trong quá trình chơi bài cho đến khi bị bắt quả tang, điều đó cũng thể hiện bị cáo T tham gia đánh bạc rất tích cực. Đối với bị cáo K có số tiền sử dụng để đánh bạc là 350.000đ, nhưng cũng tham gia với vai trò tích cực, bị cáo K là người trực tiếp cất vỏ bao thuốc lá để thành bốn quân bài vị làm công cụ các đối tượng đánh bạc. Như vậy các bị cáo N, T, K có vai trò như nhau và phải chịu mức hình phạt ngang nhau và cao hơn các bị cáo khác.

Đứng thứ hai là các bị cáo T, Đ, D cũng tham gia đánh bạc với vai trò tích cực thể hiện ở việc các bị cáo tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt quả

tang, bị cáo T4 có 800.000 đồng, bị cáo Đ có 2.650.000 đồng, bị cáo D có 2.000.000 đồng, bị cáo T4 tuy có số tiền đánh bạc ít hơn bị cáo Đ và D nhưng bị cáo T4 là người gọi điện thoại và rủ bị cáo T6 đến nhà bị cáo N đánh bạc. Như vậy vai trò của các bị cáo T4, Đ, D là như nhau và thấp hơn các bị cáo N, T, K, nhưng sẽ cao hơn các bị cáo T6, A, N.

Đứng thứ 3 là các bị cáo T6, A, N2 đến sau và tham gia đánh bạc sau cùng so với các bị cáo khác và có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ít hơn các bị cáo khác. Bị cáo T6 có 1.200.000đ sử dụng đánh bạc, bị cáo A có 1.600.000đ sử dụng vào việc đánh bạc, bị cáo N2 có 280.000đ sử dụng vào việc đánh bạc. Do vậy các bị cáo T6, A, N2 áp dụng mức hình phạt như nhau và thấp hơn các bị cáo T4, Đ, D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, tuy nhiên khi lượng hình cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức độ và tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội không lớn do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ Điều 35 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo để lần sau không tái phạm nữa. Tuy nhiên có sự phân hóa mức hình phạt để phù hợp với vai trò vị trí và tính chất phạm tội của từng bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i mang BKS: 35B2-44556 cho Phạm Quang T; trả lại cho Đỗ Như Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i mang BKS: 35K1-38739, 01 ví da màu đen là những tài sản cá nhân không dùng vào việc đánh bạc.

Đối với 01 xe mô tô mang BKS: 14F8-8446, có lốc máy ghi chữ Honda, kiểu dáng Dream, màu nâu, số khung C100M036437, số máy C100ME036943 thu giữ của Lê Quang K. Kết quả tra cứu xác định xe mô tô mang BKS: 14F8-8446 thuộc sở hữu của anh Vi Văn K1, trú tại thôn 8, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh nhưng số khung, số máy xe đăng ký lại không trùng với số khung, số máy xe mô tô thu giữ của K. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ủy thác điều tra cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh để xác minh chủ sở hữu chiếc xe nhưng không có kết quả. Tiến hành tra cứu trên hệ thống quản lý xe vật chứng do Bộ Công an quản lý xác định chiếc xe trên không nằm trong hệ thống nên Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã tách chiếc xe mô tô trên để tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Các vật chứng còn lại của vụ án căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý như sau:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.180.000 đồng thu giữ của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy, 01 chiếc cối cũ đã không còn giá trị sử dụng, 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 01 kéo kim loại, 04 quân vị bằng vỏ bao thuốc lá do các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s Plus màu vàng của bị cáo Trần Tiến T6 và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu hồng của bị cáo Mai Văn T4 do các bị cáo sử dụng điện thoại để rủ nhau đi đánh bạc.

- Số tiền thu giữ của bị cáo Đỗ Như Đ là 6.000.000 đồng, của Trần Tiến T6 là 90.000đ, của Trịnh Quang N2 là 70.000đ. Quá trình điều tra xác định số tiền này các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone X màu trắng và 01 điện thoại Nokia 6300 thu giữ của bị cáo Phạm Quang T; 01 điện thoại di động samsung A605 màu xanh thu giữ của bị cáo Vũ Văn N, 01 điện thoại di động Samsung Note 8 màu đen thu giữ của bị cáo Trịnh Quang N2, 01 điện thoại di động Viettel thu giữ của bị cáo Trần Trường A; 01 điện thoại di động Oppo màu hồng thu giữ của bị cáo Đỗ Văn D; 01 điện thoại di động Vivo màu hồng thu giữ của bị cáo Lê Quang K. Quá trình điều tra xác định các bị cáo N, T, N2, A, D, K không sử dụng điện thoại di động trên vào việc đánh bạc và những tài sản trên thuộc quyền sở hữu của cá nhân các bị cáo do vậy cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị cáo Vũ Văn N, Phạm Quang T, Lê Quang K, Mai Văn T4, Đỗ Như Đ, Đỗ Văn D, Trần Tiến T6, Trần Trường A, Trịnh Quang N2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn N, Phạm Quang T, Lê Quang K, Mai Văn T4, Đỗ Như Đ, Đỗ Văn D, Trần Tiến T6, Trần Trường A, Trịnh Quang N2 phạm tội đánh bạc.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 35 Bộ luật hình sự cho tất cả các bị cáo xử phạt như sau:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn N 37 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Quang T 37 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Quang K 35 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Mai Văn T4 32 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Đỗ Như Đ 32 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 32 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Tiến T6 27 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Trường A 27 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trịnh Quang N2 27 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.180.000 đồng thu giữ của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s Plus màu vàng của bị cáo Trần Tiến T6 và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu hồng của bị cáo Mai Văn T4 do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc cối cũ đã không còn giá trị sử dụng, 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 01 kéo kim loại, 04 quân vị bằng vỏ bao thuốc lá do các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Như Đ số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Trần Tiến T6 số tiền 90.000đ (Chín mươi nghìn đồng) nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Quang N2 số tiền 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng); 01 điện thoại di động Samsung Note 8 màu đen nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Quang T 01 chiếc điện thoại di động Iphone X màu trắng và 01 điện thoại Nokia 6300 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Văn N 01 điện thoại di động samsung A605 màu xanh nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Trần Trường A 01 điện thoại di động Viettel nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn D 01 điện thoại di động Oppo màu hồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Lê Quang K 01 điện thoại di động Vivo màu hồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 11 năm 2019 và giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Vũ Văn N, Phạm Quang T, Lê Quang K, Mai Văn T4, Đỗ Như Đ, Đỗ Văn D, Trần Tiến T6, Trần Trường A, Trịnh Quang N2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai; các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/11/2019).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K.
- Bị cáo
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án
- .

(Đã ký)

Trần Thị Khanh